

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH -
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: *NR*/TT-KBE

Kiên Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020.
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (*Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét chấp thuận thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D T H O
QUY CHẾ HO T NG C A BAN KI M SOÁT
CÔNG TY C PH N
SÁCH - THI T B TR NG H C KIÊN GIANG



*(Ban hành theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên năm 2021
Công ty Cổ phần Sách - Thi t B Tr ng H c Kiên Giang)*

Kiên Giang, ngày ... tháng ... năm 2021

M C L C

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tính áp dụng	3
điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
điều 3. Nhiệm vụ và các thuật ngữ	3
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
điều 4. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	5
điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
điều 7. Trạng thái Ban kiểm soát	5
điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát.....	6
điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	8
điều 12. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
điều 13. Quy định về cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	11
điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triểu tập họp bất thường	11
CHƯƠNG IV - CẤU CHỨC BAN KIỂM SOÁT.....	12
điều 15. Cấu trúc của Ban kiểm soát.....	12
điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	12
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
điều 17. Trình báo cáo hàng năm	12
điều 18. Tính linh hoạt và quy định khác	13
điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	14
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	15
điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	15
điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	15
điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	15
CHƯƠNG VII - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH.....	15
điều 23. Hướng dẫn thực hành.....	15

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tính áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định các u t ch c nhân s , tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Tính áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Hội đồng, trực pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Nghĩa và các thủ tục

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

a) *Vn i ul* là tên nhãn giá cả phân tử bán hàng công ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Sách - Thị trường Chứng khoán Kiên Giang;

b) *Lu t Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Lu t Ch ng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ng i i u hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Ng i qu n lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Ng i có liên quan* là cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g) Công là cá nhân, tổ chức sử dụng ít nhất một thành viên của Công ty cổ phần;

h) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định khác của văn bản khác bao gồm những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, điều của Quy chế này) sử dụng nhằm thuận tiện cho việc chi tiết nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng và các nghị quyết trong các phiên họp và nghĩa vụ công giao.

2. Thực hiện quy định và nghĩa vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và công đồng; không làm đàng hoàng, chèn ép và sử dụng thông tin, bí quyết, danh tiếng kinh doanh, tài sản khác của Công ty để lợi ích hoặc vì lợi ích cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty; trong đó có quy định về các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

5. Trừng phạt vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trừng phạt phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong các phiên họp và nghĩa vụ công giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điểm 5. Nhiệm vụ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 thành viên thuộc trụ sở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ cũ chưa bầu thì thành viên Ban kiểm soát cũ hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quy định và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ cũ bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điểm 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc diện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Chưa từng hoạt động trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là công nhân của Công ty;

e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty cũng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của Luật doanh nghiệp.

Điểm 7. Trường hợp Ban kiểm soát

1. Trường hợp Ban kiểm soát phải có bộ phận tiếp nhận và xử lý khiếu nại trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; vice bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc如上。

3. Quy định và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn thành viên Ban kiểm soát

1. Công hoc nhóm công suất 10% tổng số phần thông tin lên có quy định nghĩa vào Ban kiểm soát. Công hoc nhóm công suất 10% tổng số phần có quy định bầu quy tắc các 01 người viên; tổng số 20% tổng số các cá nhân 02 người viên; tổng số 30% tổng số 40% các cá nhân 03 người viên; tổng số 40% tổng số 50% các cá nhân 04 người viên; tổng số 50% trở lên các cá nhân 05 người viên.

2. Trưởng ban bầu các người viên Ban kiểm soát thông qua các và người theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không số người nhân thì, Ban kiểm soát người nhân có thể bổ sung người viên theo quy định Điều lệ Công ty, Quy định nội bộ quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Vice Ban kiểm soát người nhân bổ sung người viên phải công bố rõ ràng trước khi nghỉ người công bố bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng ban bầu người viên do Ban kiểm soát người nhân bổ sung theo khoản 2 Điều này vẫn không số người nhân thì, Ban kiểm soát người nhân tổ chức cho các công khác các theo quy định Điều lệ Công ty, Quy định nội bộ quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Vice Ban kiểm soát người nhân tổ chức cho các công khác bổ sung người viên phải công bố rõ ràng trước khi nghỉ người công bố bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Vice bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện quy định của Điều lệ công hoc.

2. Vice bầu quy định bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dân phiếu, theo số mục công có tổng số phiếu bầu quy định người viên tổng số phần số nhân viên thành viên bầu của Ban kiểm soát và công hoc có quy định hình thức phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số người viên. Người trúng cử Kiểm soát viên xác định theo số phiếu bầu tính toán cao xuống, bắt đầu người viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi

s thành viên quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p có t 02 ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát thì s ti n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí quy nh t i quy ch b u c ho c i u l công ty.

3. N u s ng viên nh h n ho c b ng s thành viên Ban Ki m soát c n b u thì vi c b u thành viên Ban Ki m soát có th c th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u nh quy nh t i Kho n 3 i u 148 Lu t Doanh nghi p ho c th c hi n theo ph ng th c bi u quy t (tán thành, không tán thành, không có ý ki n). T l bi u quy t thông qua theo ph ng th c bi u quy t c th c hi n theo Kho n 2 i u 21 i u l công ty.

i u 10. Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m thành viên Ban ki m soát

1. i h i ng c ông mi n nhi m thành viên Ban Ki m soát trong tr ng h p sau ây:

a) Không còn tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban Ki m soát theo quy nh t i i u 169 c a Lu t Doanh nghi p;

b) Có n t ch c và c ch p thu n;

c) Tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty quy nh.

2. i h i ng c ông bãi nhi m thành viên Ban ki m soát trong tr ng h p sau ây:

a) Không hoàn thành nhi m v , công vi c c phân công;

b) Không th c hi n quy n và ngh a v c a mình trong 06 tháng liên t c, tr ng h p b t kh kháng;

c) Vi ph m nhi u l n, vi ph m nghiêm tr ng ngh a v c a thành viên Ban ki m soát theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty;

d) Tr ng h p khác theo ngh quy t i h i ng c ông.

i u 11. Thông báo v b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên Ban ki m soát

1. Tr ng h p ã xác nh c ng c viên Ban ki m soát, Công ty ph i công b thông tin liên quan n các ng c viên t i thi u 10 ngày tr c ngày khai m c h p i h i ng c ông trên trang thông tin i n t c a Công ty c ông có th tìm hi u v các ng c viên này tr c khi b phi u, ng c viên Ban ki m soát ph i

có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến các thành viên Ban Kiểm soát công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà các thành viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của các thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo và kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định trong Điều lệ Công ty thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 12. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong vị trí quản lý và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, Điều lệ hoạt động kinh doanh; tính hợp thành, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tích cực hay tiêu cực hàng năm. Rà soát hợp đồng, giao dịch và những lợi ích có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công và đưa ra

khuyến nghị về hình phạt, giao dịch có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc hội đồng.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các báo cáo của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, nội bộ hành động của Công ty khi xét thấy cần thiết theo quy định của Hội đồng hoặc theo yêu cầu của công đoàn nhóm công quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của công đoàn nhóm công quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và công đoàn nhóm công có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn nội bộ hành động kinh doanh của Công ty.

7. Khi nhận thấy Hội đồng quản trị hoặc hội đồng bị nới lỏng pháp luật, bổ sung, cắt giảm các quy định, giám sát và nội bộ hành động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có gì thì pháp luật phải xử lý.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sẵn sàng văn bản, báo cáo kiểm toán nội bộ của Công ty thực hiện nhiệm vụ của giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên hội đồng.

12. Kiểm tra thường xuyên các mối liên quan quản lý, nội bộ hành động của Công ty theo quy định của công.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường để họp Hội đồng.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng theo quy định khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan để kê khai quy định khoản 1 và khoản 2 điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Xuất và kiểm kê nội dung Hội đồng phê duyệt danh sách thành viên kiểm toán để chấp thuận thành viên kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; thành viên kiểm toán để chấp thuận thành viên kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo tính độc lập và trung lập của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Hội đồng.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy của Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Hội đồng để Hội đồng thông qua.
23. Chức năng của Hội đồng quản trị thành viên phi lợi nhuận và lập biên bản kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lý giải các công bằng văn bản thông qua quy định của Hội đồng.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành Hội đồng để Hội đồng bầu cử các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không được cử làm thành viên. Trường hợp này, người có thẩm quyền bầu cao nhất làm thành viên chấp hành.

25. Th c hi n các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, i u l Công ty và Ngh quy t c a i h i ng c ông.

i u 13. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát

1. Tài li u và thông tin ph i c g i n thành viên Ban ki m soát cùng th i m và theo ph ng th c nh i v i thành viên H i ng qu n tr , bao g m:

a) Thông báo m i h p, phi u l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr và tài li u kèm theo;

b) Ngh quy t, quy t nh và biên b nh p c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;

c) Báo cáo c a Giám c trình H i ng qu n tr ho c tài li u khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban ki m soát có quy n ti p c n h s , tài li u c a Công ty l u gi t i tr s chính, chi nhánh và a i m khác; có quy n n a i m làm vi c c a ng i qu n lý và nhân viên c a Công ty trong gi làm vi c.

3. H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , Giám c, ng i qu n lý khác ph i cung c p y , chính xác, k p th i thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty theo yêu c u c a thành viên Ban ki m soát ho c Ban ki m soát.

i u 14. Trách nhi m c a Ban ki m soát trong vi c tri u t p h p b t th ng i h i ng c ông

1. Ban ki m soát có trách nhi m thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 30 ngày trong tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

a) S thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát còn l i ít h n s thành viên theo quy nh c a pháp lu t;

b) Theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 Lu t Doanh nghi p;

c) Khi có yêu c u tri u t p h p b t th ng i h i ng c ông c a Ban ki m soát nh ng H i ng qu n tr không th c hi n, tr tr ng h p i u l công ty có quy nh khác.

2. Trưởng hợp Ban kiểm soát không trực tiếp giám sát công việc theo quy định thì Ban kiểm soát phải bố trí người phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí trực tiếp và tiến hành hợp giám sát công việc theo quy định tại khoản 1 điều này sẽ do Công ty hoàn trả.

Chương IV

CỦNG CỐ BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cấu trúc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai (02) thành viên trong đó, số lượng thành viên tham dự phải ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Giám đốc, Giám đốc và người đi kiểm toán kiểm tra và trả lời các vấn đề liên quan làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự phải ký tên vào biên bản họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải có lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát trực tiếp giám sát công việc hàng năm bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Giám đốc, Giám đốc trình giám sát công việc thông qua trực tiếp giám sát công việc hàng năm.

2. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên nhóm mã sở phần trăm (50%) trở lên và nội dung vì thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát nội vụ Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sơ bộ hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Giám đốc và các công đồng.

8. Xu hướng và kiến nghị về hiệu quả công phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thu nhận hồ sơ kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán độc lập thu nhận hồ sơ kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thực tiễn.

Điều 18. Ti n l ng và quy n l i khác

Ti n l ng, thù lao, thù ng và l i ích khác của thành viên Ban kiểm soát c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. Thành viên Ban kiểm soát c tr ti n l ng, thù lao, thù ng và l i ích khác theo quy t nh của i h i ng c ông. i h i ng c ông quy t nh t ng m c ti n l ng, thù lao, thù ng, l i ích khác và ngân sách hoạt ng h ng n m của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát c thanh toán chi phí n, , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. Tổng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách hoạt ng h ng n m của Ban Kiểm soát ã c i h i ng c ông ch p thu n, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.

3. Ti n l ng và chi phí hoạt ng của Ban kiểm soát c tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy nh của pháp luật thu thu nh p doanh nghiệp,

quy định khác của pháp luật có liên quan và phải kê khai thành lập thành lập riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tài sản và thu nhập làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ đang nắm giữ có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải công bố thông tin trong Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được cung cấp thông tin có liên quan đến công việc của mình phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch của Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên phạm vi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ và thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghiệp vụ này theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được tiết lộ hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.

Ch ng VI
M I QUAN H C A BAN KI M SOÁT

i u 20. M i quan h gi a các thành viên Ban ki m soát

Các thành viên Ban ki m soát có m i quan h c l p, không ph thu c l n nhau nh ng có s ph i h p, c ng tác trong công vi c chung m b o th c hi n t t trách nhi m, quy n và nhi m v c a Ban ki m soát theo quy nh pháp lu t và i u l công ty. Tr ng Ban Ki m soát là ng i i u ph i công vi c chung c a Ban ki m soát nh ng không có quy n chi ph i các thành viên Ban ki m soát.

i u 21. M i quan h v i ban i u hành

Ban ki m soát có m i quan h c l p v i ban i u hành Công ty, là n v th c hi n ch c n ng giám sát ho t ng c a ban i u hành.

i u 22. M i quan h v i H i ng qu n tr

Ban ki m soát có m i quan h c l p v i H i ng qu n tr Công ty, là n v th c hi n ch c n ng giám sát ho t ng c a H i ng qu n tr .

Ch ng VII
I U KHO N THI HÀNH

i u 23. Hi u l c thi hành

Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát Công ty C ph n Sách - Thi t B Tr ng H c Kiên Giang bao g m 7 ch ng, 23 i u và có hi u l c thi hành k t ngày ... tháng ... n m 2021.

TM. BAN KI M SOÁT
TR NG BAN

(Ký, ghi rõ h tên và óng d u)